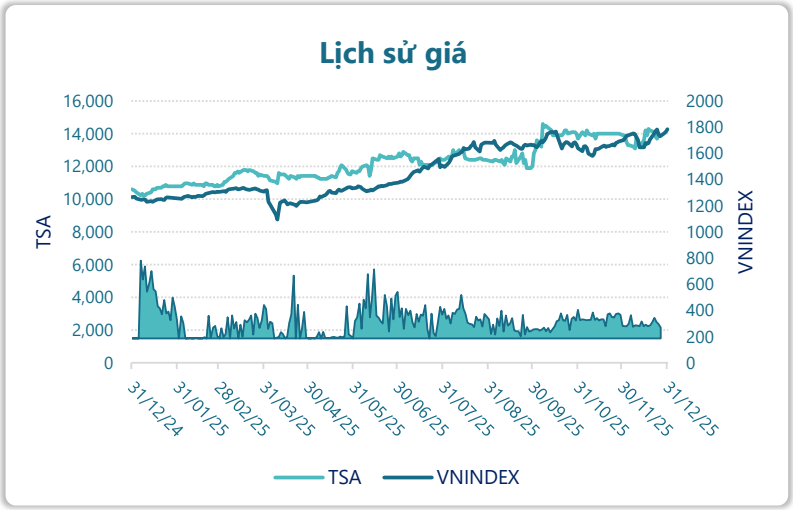
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (HSX: TSA)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	40,424,994
KLGD BQ 20 phiên (CP)	59,390
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	566
P/E	20.6
EPS	680

DT thuần

Q4/25

271

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 118| 77.3%

YoY: ▼45.0| -14.1%

LN sau thuế

Q4/25

10.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.42| 105%

YoY: ▼2.80| -20.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.4%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

2025

713

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.0| 9.3%

LN sau thuế

2025

27.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00| 16.8%

ROE

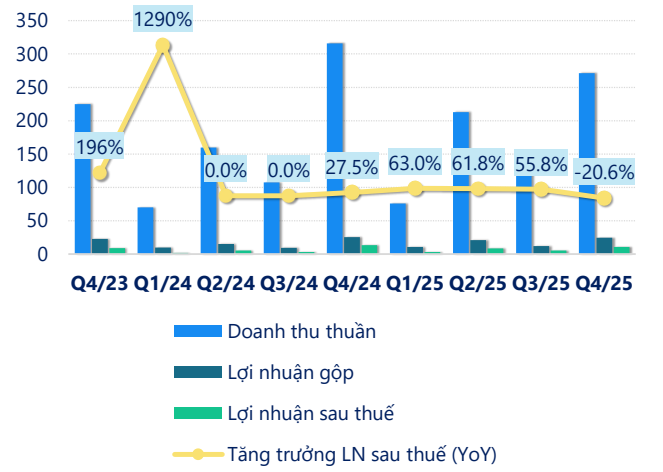
2025

6.6%

+/- YoY: ▲ 0.5%

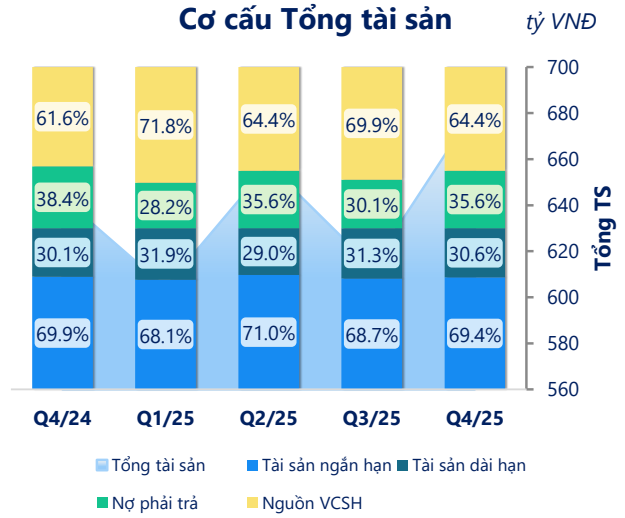
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



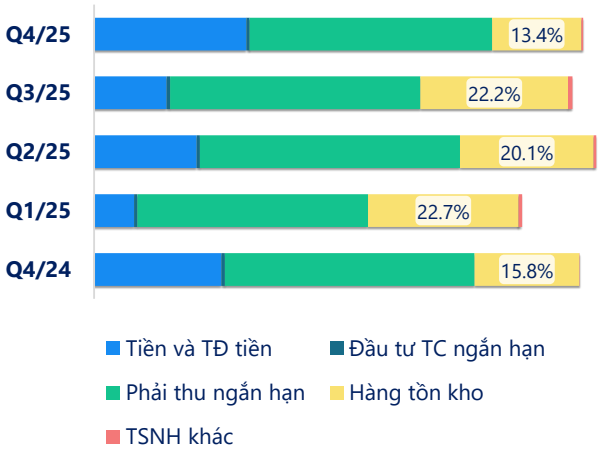
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



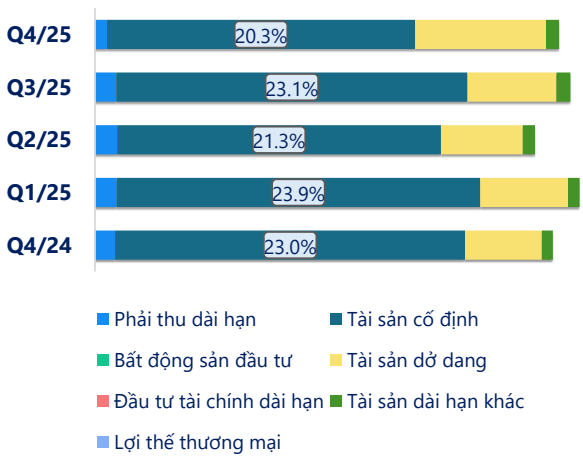
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



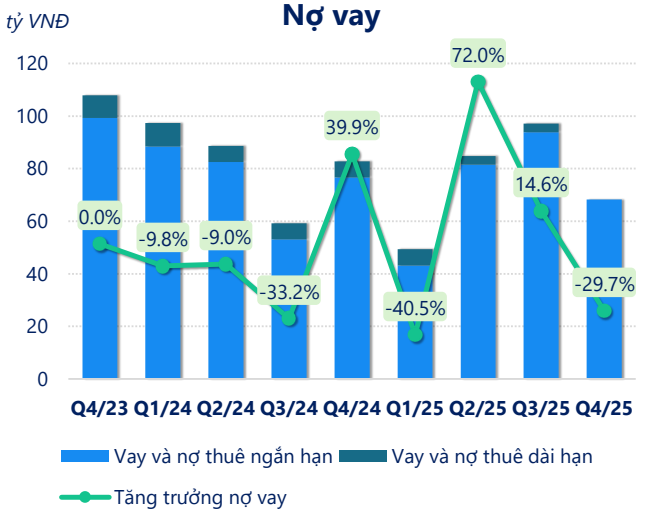
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



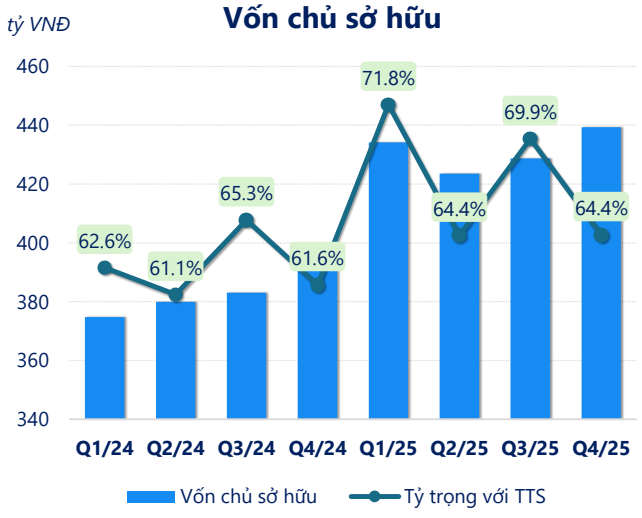
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



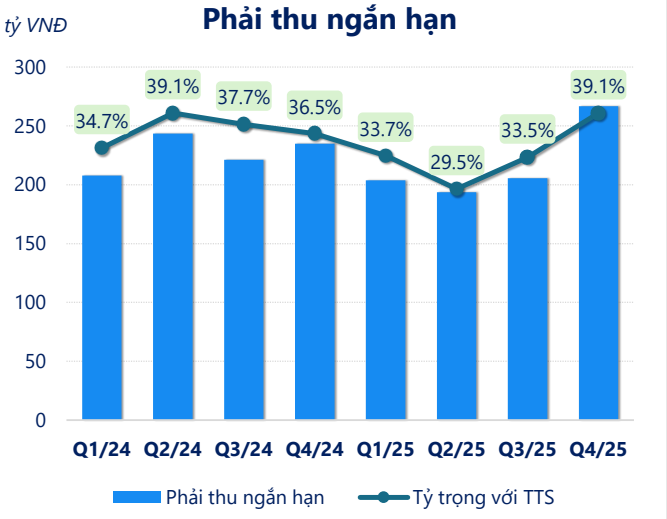
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



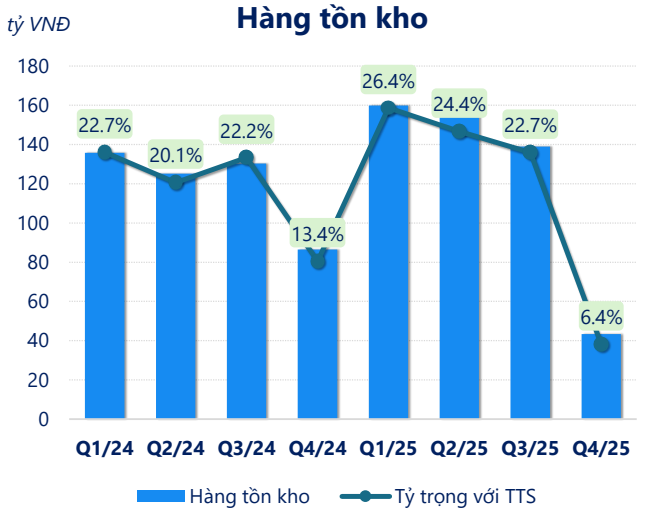
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



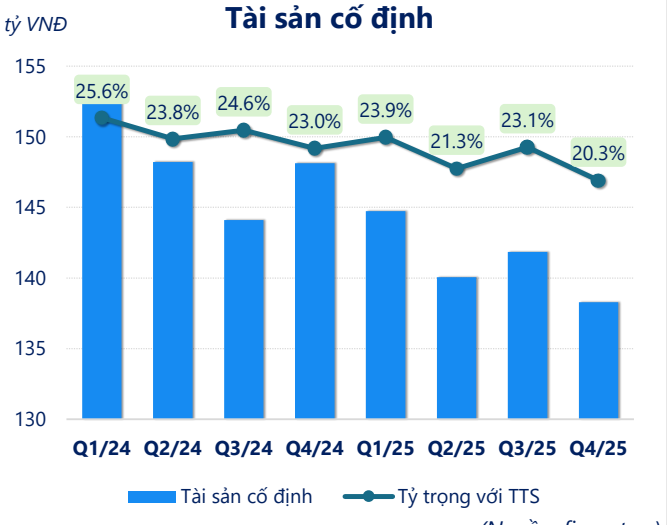
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



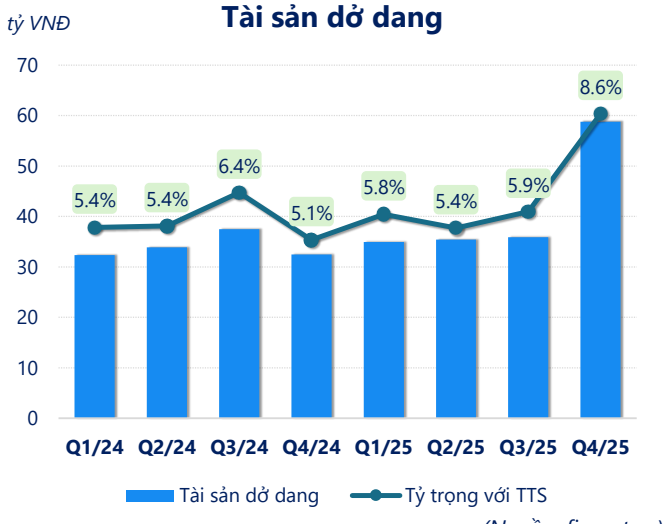
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



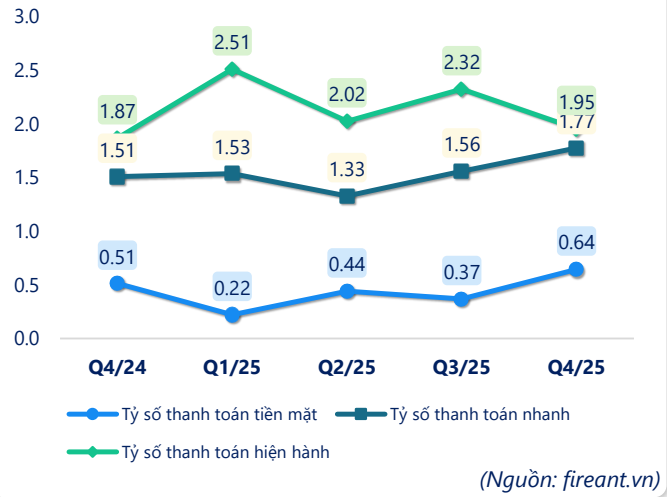
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



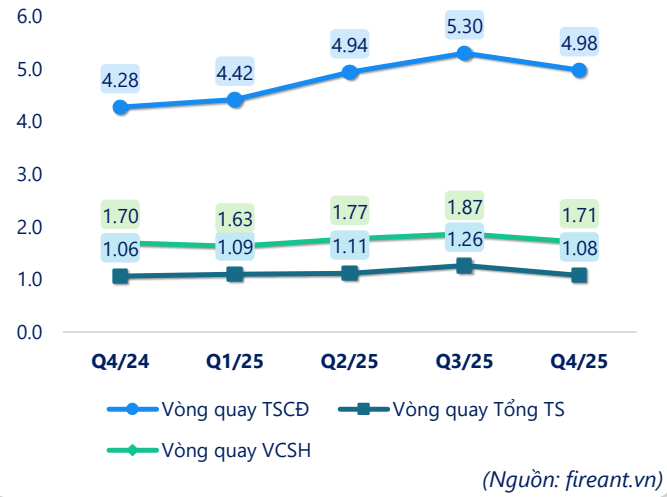
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**643**	**604**	**658**	**613**	**682**
Tài sản ngắn hạn	**450**	**412**	**467**	**421**	**473**
Tiền và tương đương tiền	123	36.3	101	66.9	156
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.14	3.14	3.17	3.17	7.23
Phải thu ngắn hạn	235	204	194	205	267
Hàng tồn kho	86.4	160	161	139	43.3
Tài sản ngắn hạn khác	1.89	8.56	8.03	6.98	0.14
Tài sản dài hạn	**194**	**193**	**190**	**192**	**208**
Phải thu dài hạn	8.57	8.57	9.63	8.57	5.37
Tài sản cố định	148	145	140	142	138
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	32.5	34.9	35.4	35.9	58.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.65	4.55	5.37	5.65	5.82
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**247**	**170**	**234**	**185**	**242**
Nợ ngắn hạn	**241**	**164**	**231**	**181**	**242**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	76.7	43.2	81.5	93.9	68.2
Phải trả người bán ngắn hạn	128	75.2	108	50.8	80.5
Nợ dài hạn	6.12	6.12	3.24	3.24	0
Vay và nợ thuê dài hạn	6.12	6.12	3.24	3.24	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**396**	**434**	**424**	**429**	**439**
Vốn chủ sở hữu	**396**	**434**	**424**	**429**	**439**
Vốn điều lệ	350	385	404	404	404
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)